

V/v: giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế và lãi trên BCTC quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính quý I năm 2021, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế và lãi quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (quý I/2020) như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) - (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý I/2021 (1)	Quý I/2020 (2)		
Báo cáo tài chính	35.502.106.850	(6.221.763.223)	41.723.870.073	

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý I/2021	Quý I/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) - (IV)	(%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.294.893.378	422.120.790.277	224.174.103.101	53,11%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	14.137.715.461	18.328.028.840	(4.190.313.379)	-22,86%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	632.157.177.917	403.792.761.437	228.364.416.480	56,55%
4	Giá vốn hàng bán	547.776.956.135	356.955.429.085	190.821.527.050	53,46%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.380.221.782	46.837.332.352	37.542.889.430	80,16%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.263.158.879	282.622.156	980.536.723	346,94%
7	Chi phí tài chính	2.226.815.457	11.528.398.188	(9.301.582.731)	-80,68%
8	Chi phí bán hàng	21.963.294.884	21.217.098.367	746.196.517	3,52%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.350.530.724	20.655.263.103	8.695.267.621	42,10%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.102.739.596	(6.280.805.150)	38.383.544.746	-611,12%
11	Thu nhập khác	3.399.412.950	82.094.501	3.317.318.449	4040,85%
12	Chi phí khác	45.696	23.052.574	(23.006.878)	-99,80%
13	Lợi nhuận khác	3.399.367.254	59.041.927	3.340.325.327	5657,55%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.502.106.850	(6.221.763.223)	41.723.870.073	
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	35.502.106.850	(6.221.763.223)	41.723.870.073	

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý I/2021 lãi với số tiền 35.502 trđ, chuyển từ lỗ cùng kỳ năm trước (quý I/2020) sang lãi kỳ này năm nay với số tiền 41.723 trđ là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này là 646.294 trđ, tăng 224.174 trđ so với cùng kỳ năm trước là do:

+ Sản lượng DAP tiêu thụ quý I/2021 là 72.647 tấn, tăng so với sản lượng DAP tiêu thụ trong quý I/2020 là 25.330 tấn (quý I/2020 tiêu thụ 47.317 tấn)

- Các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu bán hàng) kỳ này là 14.137 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 4.190 trđ là do kỳ này Công ty thực hiện xuất khẩu nhiều nên không áp dụng chiết khấu đối với hàng xuất khẩu.

- Giá vốn hàng bán kỳ này là 547.777 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước là 228.364 trđ. Giá vốn tăng là do sản lượng tiêu thụ tăng như phân tích ở trên.

- Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này là 1.263 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước là 980 trđ chủ yếu là do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chi phí tài chính kỳ này là 2.226 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước là 9.301 trđ chủ yếu là giảm lãi vay do tình hình kinh doanh tốt lên, Công ty ít phải sử dụng đến vốn vay Ngân hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này là 29.350 trđ, tăng 8.695 trđ so với cùng kỳ năm trước. Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này tăng là do Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Thu nhập khác kỳ này là 3.399 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước số tiền 3.317 trđ là do Công ty nhận được tiền bồi thường do nhà cung cấp không giao hàng theo quy định.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTC; TCHC.

